

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 31/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 26 - 4 - 2023

V/v tranh chấp: “*Ly hôn*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Thủy

Các Thẩm phán: + Ông Huỳnh Văn Ngoan

+ Bà Trần Thị Kim Em

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Liễu Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:** Ông Dương Thanh Quang- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 09/2023/TLPT-HNGĐ ngày 08/3/2023 về việc tranh chấp: “*Ly hôn*”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 904/2022/HNGĐ-ST ngày 16/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 512/2023/QĐ-PT ngày 23 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Đào Thị Ánh H, sinh năm 1983, (có mặt);

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, Tiền Giang.

Bị đơn: Nguyễn Minh T, sinh năm 1981, (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, Tiền Giang.

Người kháng cáo: Nguyên đơn - chị Đào Thị Ánh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm:

Nguyên đơn - chị Đào Thị Ánh H trình bày:

Chị và anh T kết hôn vào năm 2001, có đăng ký kết hôn. Năm 2021 chị và anh T xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm với mẹ chồng nên chị và anh T xảy ra cự cãi.

Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Trung H, sinh ngày 14/7/2001; Nguyễn Đào Trung N, sinh ngày 02/10/2003 và Nguyễn Ngọc Thúy V, sinh ngày 06/9/2008. Khi ly hôn chị H đồng ý để anh T nuôi cháu V, chị H cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn - anh Nguyễn Minh T trình bày:

Anh thống nhất với phần trình bày của chị H về việc kết hôn, đăng ký kết hôn và con chung. Trong quá trình chung sống chị H bất hòa với mẹ ruột anh, chứ không có mâu thuẫn gì với anh.

Nay chị H xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn, do anh còn tình cảm với chị H.

Về con chung: Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh đồng ý nuôi cháu V và đồng ý mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu.

Về nợ chung: Không có.

Bản án hôn nhân sơ thẩm số 904/2022/HNGĐ-ST ngày 16/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị Ánh H về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 16/12/2022, chị Đào Thị Ánh H có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

Tại phiên tòa:

Chị Đào Thị Ánh H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Anh Nguyễn Minh T mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu kháng cáo của chị H.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Đào Thị Ánh H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Nguyễn Minh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định.

[2]. Về nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị Đào Thị Ánh H và anh Nguyễn Minh T kết hôn vào năm 2001, hôn nhân do tự nguyện, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 38, quyển số 01 ngày 22/8/2001 nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T được pháp luật công nhận.

Theo chị H trình bày sau khi kết hôn vợ chồng chị sống chung với cha mẹ chồng. Quá trình chung sống chị và anh T xảy ra mâu thuẫn do chị và mẹ chồng thường bất đồng quan điểm nhưng chị không nhận được sự đồng cảm và chia sẻ từ anh T, anh T không thấu hiểu và không tôn trọng ý kiến của chị nên cách nay khoảng một năm chị về nhà cha mẹ ruột của chị sinh sống, trong thời gian này anh T nhiều lần đến thăm và năn nỉ chị quay về đoàn tụ, vợ chồng vẫn quan hệ, sinh hoạt bình thường nhưng không có tiếng nói chung. Nhận thấy tình cảm của chị đối với anh T không còn nên chị cương quyết xin được ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T có lời khai cho rằng anh và chị H không có mâu thuẫn gì trầm trọng, nguyên nhân chính do chị H bất hòa với mẹ ruột của anh. Anh T xác định anh vẫn còn tình cảm với chị H nên anh không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh T và chị H là có thật nhưng chưa đến mức độ trầm trọng. Mặc dù chị H và anh T không sống chung nhà nhưng vẫn quan tâm, thương yêu nhau. Chị H yêu cầu được ly hôn với anh T nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh vợ chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H là có căn cứ. Chị H kháng cáo nhưng không bổ sung được chứng cứ nào mới. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[4]. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[5]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308; Điều 148, Khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27, Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Đào Thị Ánh H.

Giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 904/2022/HNGĐ-ST ngày 16/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị Ánh H về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

2/- Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí phúc thẩm, tổng cộng 600.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0021090 ngày 31/10/2022 và biên lai số 0021241 ngày 16/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3/- Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CC THADS huyện C;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Thu Thủy